TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Văn

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn K Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu K, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HPB, xã ĐL, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Lý Văn B, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp SC, xã BB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 bà Đặng Thị Thu K trình bày:

Về hôn nhân: Bà K và ông B tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào ngày 23/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông B có biểu hiện không chung thủy với bà K, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà K và ông B có 01 người con chung tên Lý Bảo N, sinh ngày 22/01/2015 (giới tính nữ), hiện do bà K đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà K là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đặng Thị Thu K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Lý Văn B. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông B có nơi cư trú tại ấp SC, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho ông B nhưng ông B không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà K và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông B nhưng ông B vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do, bà K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà K và ông B theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà K và ông B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào ngày 23/4/2015. Tại đơn khởi kiện bà K cho rằng trong thời gian chung sống giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông B có thái độ không chung thủy với bà, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay nên bà K yêu cầu ly hôn với ông B. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà K với ông B đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, bà K xác định ông B không chung thủy với bà, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà K và ông B không đạt được, ông bà đã được gia đình hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà và ông B đã ly thân từ năm tháng 6 năm 2015 cho đến nay. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà K và ông B có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông B vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Đặng Thị Thu K và ông Lý Văn B được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà K và ông B có 01 người con chung tên Lý Bảo N, sinh ngày 22/01/2015 (giới tính nữ), hiện do bà K đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, xét thấy cháu N là nữ rất cần được người mẹ chăm sóc, từ khi sinh ra cho đến nay cháu N do bà K nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của bà K. Bà K không đặt ra yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà K xác định bà và ông B không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà K xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản làm việc với người làm chứng ngày 05/4/2019 xác nhận vợ chồng bà K và ông B không có ai yêu cầu về nợ đối với vợ chồng bà K và ông B tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Đặng Thị Thu K và ông Lý Văn B.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Thu K về việc ly hôn với ông Lý Văn B.

2.1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu K và ông Lý Văn B được ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà K tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Lý Bảo N, sinh ngày 22/01/2015 (giới tính nữ), ông B không cấp dưỡng nuôi con.

Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu K phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 20 tháng 3 năm 2019 bà K có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo B lai số 0006035 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-UBND xã Đại Lãnh;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh